

ethanol 96 % (TT) cho đến khi hết alcaloid [chiết khoảng 2 h, xác định theo Phụ lục 12.3, dùng 1 giọt *thuốc thử Mayer (TT)*]. Cát thu hồi dung môi. Hòa tan cần bằng 10 ml *dung dịch acid hydrochloric 1 % (TT)*. Lọc lấy dịch acid. Tráng cần và giấy lọc với khoảng 5 ml *dung dịch acid hydrochloric 1 % (TT)* và gộp chung với dịch lọc trên. Kiểm hóa dịch lọc bằng *amoniac (TT)* tới pH 10, chiết với *ether (TT)* 5 lần, 2 lần đầu mỗi lần 15 ml và 3 lần sau mỗi lần 10 ml. Sau đó chiết tiếp bằng *cloroform (TT)* 4 lần, mỗi lần 10 ml. Gộp dịch chiết ether và cloroform. Làm bay hơi trên cách thủy tới khô. Hòa tan cần với 10,0 ml *dung dịch acid hydrochloric 0,1 N (CD)*, thêm 5 ml *nước* và 2 giọt *dung dịch đỏ methyl (TT)*, chuẩn độ acid thừa bằng *dung dịch natri hydroxyd 0,1 N (CD)*. Hàm lượng alcaloid toàn phần (X) được tính theo công thức:

$$X \% = \frac{(10 - n) \times 3,75}{a}$$

Trong đó:

n là thể tích *dung dịch natri hydroxyd 0,1 N (CD)* đã dùng, tính bằng ml.

a là khối lượng bột dược liệu đem định lượng đã trừ độ ẩm, tính bằng gam.

Dược liệu phải chứa ít nhất 0,50 % alcaloid toàn phần tính theo tuberostemonin LG (C₂₂H₃₃NO₄), tính theo dược liệu khô kiệt.

Chế biến

Bách bộ phiến: Lấy Bách bộ khô nguyên củ, rửa sạch, ủ mềm, thái lát dày, phơi hoặc sấy khô.

Bách bộ chích mật ong

Lấy mật ong hòa trong 100 ml *nước*, khuấy đều, trộn đều với Bách bộ phiến, ủ qua đêm (khoảng 12 h), sau đó sao nhò lửa tới khi các phiến có màu nâu nhạt. 1,0 kg Bách bộ phiến dùng 100 g mật ong.

Dược liệu sau khi chế là các lát dày, màu nâu nhạt, sẫm màu hơn Bách bộ phiến, mùi thơm, vị đắng ngọt.

Bách bộ chích rượu

Tẩm rượu sao như hướng dẫn tại Phụ lục 12.20. Cứ 1,0 kg Bách bộ phiến dùng 200 ml rượu.

Dược liệu sau khi chế là các lát dày, màu nâu nhạt, mùi thơm, vị đắng, ngọt.

Bảo quản

Đề nơi khô, tránh ẩm, mốc.

Tính vị, quy kinh

Vị ngọt, đắng, tính vi ôn. Vào kinh phế.

Công năng, chủ trị

Nhuận phế, chỉ khái, sát trùng. Chủ trị: Ho, viêm phế quản, ho gà, giun đũa.

Bách bộ tẩm mật còn được dùng trị âm hư, lao khái.

Dùng ngoài trị giun kim, chấy, rận, ghẻ lở, ngứa âm hộ.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 8 g đến 12 g, dạng thuốc sắc, cao, viên. Thường phối hợp với các vị thuốc khác.

Dùng ngoài: Lấy Bách bộ phiến, lượng thích hợp, nấu lấy nước để rửa hoặc nấu cao để bôi, xoa.

Kiêng kỵ

Tỳ vị hư yếu không dùng.

BẠCH HOA XÀ THIẾT THẢO

Herba Hedyotis diffusa

Toàn cây phơi hay sấy khô của cây Bạch hoa xà thiết thảo [*Hedyotis diffusa* (Willd.)], họ Cà phê (Rubiaceae). Thu hái vào mùa hạ và mùa thu, lấy toàn cây, loại bỏ tạp chất, rửa sạch, phơi hoặc sấy khô hoặc cắt đoạn, phơi hoặc sấy khô.

Mô tả

Loài cỏ nhỏ. Thường cuộn rối thành bó hoặc được cắt thành các đoạn dài không đều, có màu vàng xám hoặc lục xám. Rễ chính hơi cong, mang nhiều rễ con. Thân mảnh, mang rất nhiều cành ở phần gốc, màu nâu nhạt, tròn ở gốc, thân non có bốn cạnh. Lá nguyên hình mác thuôn, dài khoảng 1,5 cm đến 3,5 cm, rộng 1 mm đến 2 mm, nhọn ở đầu, màu lục xám, dai, gần như không có cuống, lá kèm khía răng cưa ở đỉnh. Hoa mọc đơn độc, hoặc từng đôi ở nách lá, thường rụng. Hoa nhỏ có 4 lá đài hình giáo nhọn, ống đài hình cầu. Tràng gồm 4 cánh hoa, 4 nhị dính ở họng ống tràng. Quả bế, bầu hạ, mang đài bền 4 thùy ở phía trên, hình cầu hơi dẹt ở 2 đầu, bên trong có chứa nhiều hạt nhỏ, có góc cạnh. Chất giòn, dễ gãy. Mùi nhẹ, vị nhạt.

Vi phẫu

Thân: Mặt cắt ngang gần như vuông, các góc hơi tù. Biểu bì gồm một hàng tế bào hình chữ nhật xếp đều đặn, có những tế bào u to thành gai ngắn, mặt tâm silic. Mô mềm vỏ gồm 4 đến 5 hàng tế bào thành mỏng xếp lộn xộn; to nhỏ không đều có chứa tinh thể calci oxalat hình kim tụ lại hay rải rác. Vòng libe-gỗ cấp 2 uốn lượn theo hình dạng của mặt cắt, có các mạch gỗ to. Mô mềm ruột cấu tạo bởi các tế bào hình tròn, thành mỏng, gồm khoảng 3 đến 4 hàng tế bào; trong cùng là khuyết tế bào.

Lá: Biểu bì trên gồm một lớp tế bào hình chữ nhật to, biểu bì dưới gồm một lớp tế bào nhỏ hơn, cả hai đều có các u lồi tâm silic. Mô mềm giậu gồm nhiều lớp tế bào xếp sát biểu bì trên. Mô mềm tế bào thành mỏng, có tế bào chứa tinh thể calci oxalat hình kim. Bó libe-gỗ ở gần lá xếp thành hình vòng cung ở giữa lá.

Bột

Bột có màu nâu. Quan sát trên kính hiển vi thấy: Mảnh biểu bì tế bào không màu thành mỏng, mang lỗ khí kiểu

song bào, tinh thể calci oxalat hình kim nằm riêng lẻ hay tụ thành từng bó. Có thể thấy mảnh biểu bì có các u lồi làm silic. Sợi có thành dày. Mảnh mạch xoắn, mạch điểm.

Định tính

Có thể chọn định tính A hoặc B như sau:

A. Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel G.

Dung môi khai triển: Ethyl acetat - acid acetic - acid formic - nước (100 : 11 : 11 : 26).

Dung dịch thử: Lấy 1 g bột thô dược liệu, thêm 20 ml methanol (TT), đun sôi hồi lưu trên cách thủy 1 h, lọc. Cô dịch lọc trên cách thủy đến cạn. Hòa lẫn trong 1 ml methanol (TT).

Dung dịch dược liệu đối chiếu: Lấy 1 g bột thô Bạch hoa xà thiệt thảo (mẫu chuẩn) chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 6 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 10 - 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng, sấy ở 110 °C trong 5 min, phun dung dịch 2-aminoethyl diphenylborinat (TT) 1 % trong methanol (TT), sau đó phun ngay dung dịch polyethylen glycol 400 (TT) có nồng độ 5 % trong methanol (TT), để khô trong không khí. Quan sát dưới ánh sáng tử ngoại bước sóng 365 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết (ít khi nhiều hơn 4 vết màu vàng) cùng màu sắc và tương đương về vị trí với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch dược liệu đối chiếu.

B. Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel GF₂₅₄.

Dung môi khai triển: Ethyl acetat - methanol - nước (8 : 2 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 1 g bột thô dược liệu, thêm 10 ml methanol (TT), siêu âm (400 W) hỗn hợp trong 30 min. Lọc.

Dung dịch chất đối chiếu: Hòa tan asperulosid chuẩn trong methanol (TT) để được dung dịch nồng độ 1 mg/ml.

Dung dịch dược liệu đối chiếu: Nếu không có chất đối chiếu ở trên, lấy 1 g bột thô Bạch hoa xà thiệt thảo (mẫu chuẩn), tiến hành chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 10 µl dung dịch chất đối chiếu hoặc 20 µl dung dịch dược liệu đối chiếu và 20 µl dung dịch thử. Bão hòa dung môi trong bình sắc ký 15 min trước khi triển khai sắc ký. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 8 - 10 cm, lấy bản mỏng ra để khô ở nhiệt độ phòng, phun hỗn hợp acid sulfuric - ethanol (10 : 90), sấy ở 105 °C đến khi các vết hiện rõ (7 min).

Quan sát dưới ánh sáng thường, trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có vết cùng màu sắc và tương đương về vị trí với vết của asperulosid trên sắc ký đồ của dung dịch chất đối chiếu và quan sát dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng

365 nm, trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có 2 vết phát quang màu xanh nước biển ở vị trí thấp hơn vết tương ứng với vết của asperulosid trên sắc ký đồ của dung dịch chất đối chiếu.

Hoặc quan sát dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 365 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương tự về màu sắc và vị trí với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch dược liệu đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 13,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 105 °C, 5 h).

Tro toàn phần

Không quá 13,0 % (Phụ lục 9.8).

Tạp chất

Không quá 2,0 % (Phụ lục 12.11).

Chất chiết được trong dược liệu

Không ít hơn 8,0 % tính theo dược liệu khô kiệt.

Tiến hành theo phương pháp chiết nóng (Phụ lục 12.10), dùng ethanol 96 % (TT) làm dung môi.

Bảo quản

Nơi khô mát, tránh mốc mọt.

Tính vị, quy kinh

Vị ngọt, đắng, tính hàn. Vào các kinh can, vị, đại trường, tiểu trường.

Công năng, chủ trị

Thanh nhiệt giải độc, lợi niệu thông lâm, tiêu ung tán kết. Chủ trị: Ho, hen suyễn do phế thực nhiệt, viêm amidan, viêm họng cấp; lâm lậu do bàng quang thấp nhiệt; dương hoàng (viêm gan cấp tính); mụn nhọt ung bứu, sang chấn, rắn độc cắn.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 20 g đến 40 g dược liệu khô, hoặc từ 60 g đến 160 g dược liệu tươi, thường phối hợp với các vị thuốc khác.

Dùng ngoài: Lấy dược liệu dạng tươi, lượng thích hợp, giã nát đắp tại chỗ.

Kiêng kỵ

Không dùng cho phụ nữ có thai.

BẢN HẠ NAM

Rhizoma Typhonii trilobati

Củ chóc, Củ chóc chuột

Thân rễ già (thường gọi là củ) của cây Chóc chuột [*Typhonium trilobatum* (L.) Schott, syn. *Arum trilobatum* L.], họ Ráy (Araceae) được sơ chế thành phiến khô. Thu hoạch thân rễ vào mùa thu, khi lá vàng úa sắp tàn lụi. Đào lấy củ, rửa sạch, cắt bỏ rễ con, cạo bỏ vỏ ngoài hoặc đồ